Số: 122/2026/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2026-11-16T17:07:03+07:00

Phụ lục I
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT VỀ TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

(Kèm theo Quyết định số 122/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế)

1. Cây lúa (Định mức cho 01 ha)

1.1. Sản xuất lúa truyền thống

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống lúa	Kg	80-100	Từ cấp xác nhận trở lên. Lượng giống sử dụng theo tính chất, mục tiêu của mô hình, dự án.	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	90	Tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	70		
4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	70		
5	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	2.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi chuyển sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
6	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	01-03	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Đối với mô hình, dự án chuyển giao tiến bộ kỹ thuật (TBKT) tập huấn 1 lần/vụ; mô hình, dự án thay đổi kỹ năng, nhận thức tập huấn 3 lần/vụ (Lý thuyết 1 lần; tại hiện trường theo giai đoạn sinh trưởng 2 lần)
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/Hội nghị (HN)

1.2. Sản xuất lúa hữu cơ

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy sạ hàng/sạ cụm	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	01 máy/điểm thực hiện (5-10 ha/điểm)

c. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Kg	50	Từ cấp xác nhận trở lên, sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ	
2	Phân hữu cơ sinh học	Kg	1.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi chuyển sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
3	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	2.000		
4	Thuốc Bảo vệ thực vật sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	01-03	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Đối với mô hình chuyển giao TBKT tập huấn 1 lần/vụ; mô hình thay đổi kỹ năng, nhận thức tập huấn 3 lần/vụ (Lý thuyết 1 lần; tại hiện trường theo giai đoạn sinh trưởng 2 lần)
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

1.3. Sản xuất lúa bản địa

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Kg	40-50	Các chỉ tiêu tương đương cấp xác nhận. Lượng giống sử dụng theo tính chất, mục tiêu của mô hình, dự án.	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	100	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	90		
4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	90		
5	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	1.200	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi chuyển sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	

6	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.	

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	01-03	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Đối với mô hình, dự án chuyển giao TBKT tập huấn 1 lần/vụ; mô hình, dự án thay đổi kỹ năng, nhận thức tập huấn 3 lần/vụ (Lý thuyết 1 lần; tại hiện trường theo giai đoạn sinh trưởng 2 lần).
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

1.4. Sản xuất lúa truyền thống ứng dụng cơ giới hóa

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy sạ hàng/sạ cụm	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.	01 máy/điểm thực hiện (05-10 ha/điểm)

c. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống lúa	Kg	70-80	Từ cấp xác nhận trở lên. Căn cứ hướng dẫn sử dụng các loại máy của nhà sản xuất. Lượng giống sử dụng	

				theo tính chất, mục tiêu của mô hình, dự án.	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	90	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	70		
4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	70		
5	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	2.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi chuyển sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
6	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	01-03	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Đối với mô hình, dự án chuyển giao TBKT tập huấn 1 lần/vụ; mô hình, dự án thay đổi kỹ năng, nhận thức tập huấn 3 lần/vụ (Lý thuyết 1 lần; tại hiện trường theo giai đoạn sinh trưởng 2 lần).
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

1.5. Mô hình sản xuất lúa chất lượng và phát thải thấp

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy sạ hàng/sạ cụm	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.	01 máy/điểm thực hiện (05-10 ha/điểm)

c. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống lúa	Kg	80	Từ cấp xác nhận trở lên	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	100	TCCS Có thể sử dụng phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	70		
4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	70		
5	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	2.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi chuyển sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
6	Chế phẩm phân hủy rơm rạ	Kg	2,5-4	TCCS Liều lượng theo quy trình của loại chế phẩm đó.	
7	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	01-03	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Đối với mô hình, dự án chuyển giao TBKT tập huấn 1 lần/vụ; mô hình, dự án thay đổi kỹ năng, nhận thức tập huấn 3 lần/vụ (Lý thuyết 1 lần; tại hiện trường theo giai đoạn sinh trưởng 2 lần).
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

1.6. Mô hình nhân giống lúa thuần

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy sạ hàng/sạ cụm	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	01 máy/điểm thực hiện (05-10 ha/điểm)

c. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống lúa			Cấp siêu nguyên chủng. Lượng giống sử dụng theo tính chất, mục tiêu của mô hình, dự án.	
1.1	Sản xuất cấp nguyên chủng	Kg	30-35	Cấp nguyên chủng. Lượng giống sử dụng theo tính chất, mục tiêu của mô hình, dự án.	
1.2	Sản xuất xác nhận	Kg	30-35		
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	90	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	70		
4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	70		
5	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	2.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi chuyển sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
6	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	01-03	- Theo quy trình kỹ thuật.	Đối với mô hình, dự án chuyển giao TBKT tập huấn 1
	Thời gian	Ngày/lần	01		

				- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	lần/vụ; mô hình, dự án thay đổi kỹ năng, nhận thức tập huấn 3 lần/vụ (Lý thuyết 1 lần; tại hiện trường theo giai đoạn sinh trưởng 2 lần)
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

2. Cây ngô lai (Định mức cho 01 ha)

2.1. Sản xuất ngô sinh khối

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống ngô lai	Kg	25-28	Hạt lai F1 Lượng giống sử dụng theo tính chất, mục tiêu của mô hình, dự án.	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	180	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	100		
4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	100		
5	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	1.200	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi chuyển sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
6	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

2.2. Canh tác ngô trên đất dốc

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống ngô lai	Kg	20	Hạt lai F1 Giống sạch bệnh	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	160	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	80		
4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	85		
5	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		

2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

2.3. Sản xuất ngô thương phẩm

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống ngô lai	Kg	18	Hạt lai F1	Ngô đường, ngô ngọt theo lượng khuyến cáo
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	160	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	80		
4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	85		
5	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	1.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi chuyển sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
6	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		

2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

3. Cây có củ (Định mức cho 01 ha)

3.1. Cây khoai lang

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng		Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
			Nhân giống	Sản xuất		
1	Hom giống	Kg	2.500	1.500	Giống sạch bệnh	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	90	90	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	60	60		
4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	90	100		
5	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	700	1.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi chuyển sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
6	Vôi bột	Kg	500	500		
7	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.				

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần
	Thời gian	Ngày/lần	01		

2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

3.2. Sản xuất sắn trên đất dốc

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống sắn	Hom	12.000	Giống sạch bệnh	
	Giống cỏ/cây họ đậu	Kg	1,0-1,5/ 18-20		15% diện tích, phân bón cây trồng xen đối ứng hoàn toàn
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	120	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	55		
4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	110		
5	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

3.3. Sản xuất thâm canh sắn

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống sắn	Hom	12.000 - 14.000	Giống sạch bệnh. Lượng giống sử dụng theo tính chất, mục tiêu của mô hình, dự án.	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	140	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	50		
4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	180		
5	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

3.4. Trồng cây khoai sọ

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng

2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Kg	1.400	Giống sạch bệnh	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	150	TCCS Có thể sử dụng phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	100		
4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	180		
5	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	2.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi chuyển sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
6	Vôi	Kg	1.000		
7	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	0 2	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

4. Cây đậu xanh (Định mức cho 01 ha)

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	3	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Kg	30	Giống sạch bệnh	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	46	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	66		
4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	72		
5	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

5. Cây lạc (Định mức cho 01 ha)

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người/điểm	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống lạc	Kg	220	Giống sạch bệnh	
2	Nilon che phủ	Kg	100	TCCS	
3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	46	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	120		
5	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	90		

6	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	1.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi chuyển sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
7	Vôi bột	Kg	500		
8	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

6. Cây vừng (Định mức cho 01 ha)

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người/điểm	3	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Kg	30	Giống sạch bệnh	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	46	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	80		
4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	72		
5	Vôi bột	Kg	400		

6	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.	

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

7. Cây rau ăn lá (Định mức cho 01 ha)

7.1. Cây rau ăn lá, TGST 60-75 ngày (cải xanh ăn lá, mùng tơi, rau rền)

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	3	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
A	**Sản xuất hữu cơ nhóm rau 65 - 75 ngày**				
1	Giống				
	Cải xanh ăn lá	Kg	6	TCCS	
	Rau rền	Kg	15		
	Mùng tơi	Kg	25		
2	Phân bón (lượng như nhau cho các chủng loại)				
	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	1.500	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi chuyển sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	Phân bón lá hữu cơ	Lít	3	TCCS	

	Phân bón gốc hữu cơ	Kg	250	TCCS	
	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	56	TCCS Sử dụng phân tự nhiên (Roc phosphate $P_2O_5 \geq 28\%$ hoặc Apatit $P_2O_5 \geq 14\%$); Sử dụng Kali sulphate ($K_2O \leq 30\%$).	
	Phân Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	18		
4	Trichoderma	Kg	30	TCCS	
5	Bẫy Feromom	Chiếc	20		
6	Vôi bột	Kg	700		
7	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
B	**Sản xuất an toàn theo VietGAP nhóm rau 65 - 75 ngày**				
1	Giống				
	Cải xanh ăn lá	Kg	6	TCCS	
	Rau rền	Kg	15		
	Mùng tơi	Kg	25		
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	35	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	25		
4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	45		
5	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	1.500	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi chuyển sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
6	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				

	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

7.2. Cây rau ăn lá, TGST 90-100 ngày (kiệu, hành lá, su hào)

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
A	**Sản xuất hữu cơ**				
1	Giống				
	Su hào	Kg	0,7	TCCS	
	Hành lá, Kiệu	Kg	6		
2	Phân bón (lượng như nhau cho các chủng loại)				
	Phân hữu cơ sinh học	Kg	1.500	TCCS	
	Phân bón lá hữu cơ	Lít	3		
	Phân bón gốc hữu cơ	Kg	250		
	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	56	Sử dụng phân tự nhiên (Roc phosphate $P_2O_5 \geq$ 28% hoặc Apatit $P_2O_5 \geq$ 14%)	
	Phân Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	75	Sử dụng Kali sulphate ($K_2O \leq 30\%$)	
3	Vôi bột	Kg	300		
4	Trichoderma	Kg	30	TCCS	
5	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	5		
6	Bẫy Feromom	Chiếc	20		
7	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
B	**Sản xuất an toàn theo VietGAP**				
1	Giống			TCCS	
	Su hào	Kg	0,7		
	Hành lá	Kg	6		
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	100	TCCS	

3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	60	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	90		
5	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	1.500	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi chuyển sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
6	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

7.3. Cây rau ăn quả (cà chua, dưa chuột, mướp đắng, đậu quả, bí xanh, đậu tương rau)

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
A	**Sản xuất hữu cơ rau ăn quả (cà chua, dưa chuột, mướp đắng, đậu quả, bí xanh, đậu tương rau)**				
1	*Giống*			TCCS	
	Cà chua	Kg	0,25		
	Dưa chuột	Kg	0,7		
	Mướp đắng	Kg	2,5		

	Bí xanh	Kg	1		
	Đậu quả	Kg	45		
	Đậu tương rau	Kg	80		
2	*Phân bón (lượng như nhau cho các chủng loại)*				
	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	2.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi chuyển sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	Phân bón lá hữu cơ	Lít	5	TCCS	
	Phân bón gốc hữu cơ	Kg	400		
	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	78	TCCS Sử dụng phân tự nhiên (Roc phosphate $P_2O_5 \geq 28\%$ hoặc Apatit $P_2O_5 \geq 14\%$; Sử dụng Kali sulphate ($K_2O \leq 30\%$).	
	Phân Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
3	Trichoderma	Kg	30	TCCS	
4	Chế phẩm sinh học	Kg (Lít)	8		
5	Bẫy Feromom	Chiếc	30		
6	Vôi bột	Kg	700		
7	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
B	**Sản xuất VietGAP rau ăn quả (cà chua, dưa chuột, mướp đắng, đậu quả, bí xanh, đậu tương rau)**				
1	*Giống*			TCCS	
	Cà chua	Kg	0,25		
	Dưa chuột	Kg	0,7		
	Mướp đắng	Kg	2,5		
	Bí xanh	Kg	1		
	Đậu quả	Kg	45		
	Đậu tương rau	Kg	80		
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	120	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	90		
4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
5	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	2.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi chuyển sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	

6	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.	

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

7.4. Ứng dụng giá thể để sản xuất rau, quả

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
A	**Dưa thơm**				N, P_2O_5, K_2O nguyên chất trong phân tổng hợp có thể chứa SW, ME
1	Giá thể:				
	Xơ dừa	Tấn	40		
	Hỗn hợp đất	m^3	33		
2	Hạt giống	Hạt	22.000 - 23.000	Hạt lai F1 Lượng giống sử dụng theo tính chất, mục tiêu của mô hình, dự án.	
3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	135	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	125		
5	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	135		
6	MgSO4	Kg	300	TCCS	
7	Ca(NO3)2	Kg	50		
8	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy			

		trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
B	**Dưa chuột**				
1	Giá thể:				
	Xơ dừa	Tấn	30		
	Hỗn hợp đất	m^3	100		
2	Hạt giống	Hạt	22.000 - 23.000	Hạt lai F1 Lượng giống sử dụng theo tính chất, mục tiêu của mô hình, dự án.	
3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	135	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	125		
5	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	135		
6	$MgSO_4$	Kg	100	TCCS	
7	$Ca(NO_3)_2$	Kg	50		
8	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
C	**Cà chua**				
1	Giá thể:				
	Xơ dừa	Tấn	35		
	Hỗn hợp đất	m^3	66		
2	Hạt giống	Hạt	22.000 - 23.000	Hạt lai F1 Lượng giống sử dụng theo tính chất, mục tiêu của mô hình, dự án.	
3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	190	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	190		
5	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	190		
6	$MgSO_4$	Kg	400	TCCS	
7	$Ca(NO_3)_2$	Kg	50		
8	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

7.5. Sản xuất măng tây theo hướng hữu cơ

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/điểm/ người	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

Thời kỳ	TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
Năm thứ nhất	1	Hạt giống	Hạt	18.500	TCCS	
		Hạt giống trồng dặm	Hạt	3.500		
	2	Vật tư làm giàn				
		- Cọc	Cây	1.200	Cao 1,5m	
		- Sợi dây cước PE	Kg	160		
		- Dây buộc (cước PE)	Kg	30		
	3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	345	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
	4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	288		
	5	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	300		
	6	Phân hữu cơ sinh học	Kg	4.000	TCCS	
	7	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	1.500		
	8	Chế phẩm sinh học	Kg	10		
	8	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
Năm	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	345	TCCS	

thứ hai	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	288	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	325		
	4	Phân hữu cơ sinh học	Kg	2.000	TCCS	
	5	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	750		
	6	Chế phẩm sinh học	Kg	10		
	7	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

7.6. Trồng cây bí đỏ

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống:			Giống sạch bệnh. Lượng giống sử dụng theo tính chất, mục tiêu của mô hình, dự án.	
-	Hạt giống	Gram	300-420		
-	Hoặc Cây giống	Cây	4.200		
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	46	TCCS Có thể sử dụng phân đơn hoặc	
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	34		

4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	41	phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
5	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	600	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
6	Phân bón lá	Lít	15-20	TCCS	
7	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

8. Sản xuất Nấm

8.1. Sản xuất nấm mỡ

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01 tấn nguyên liệu thô

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Kg	15	Không bị nhiễm tạp khuẩn hay nấm dại	
2	Nguyên liệu	Kg	1.000		
3	Đạm SA (Sulfatamon)	Kg	20	TCCS	
	Đạm Urê	Kg	5		
4	Supe lân	Kg	30		
5	Bột nhẹ	Kg	30		

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

8.2. Sản xuất nấm sò

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01 tấn nguyên liệu thô

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Kg	45	Không bị nhiễm tạp khuẩn hay nấm dại	
2	Nguyên liệu	Kg	1.000		
3	Túi PE (30 x 45)	Kg	6		
4	Nút, Bông, chun	Kg	12		

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

8.3. Sản xuất nấm rơm

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người/điểm	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Kg	15	Không bị nhiễm tạp khuẩn hay nấm dại	
2	Nguyên liệu	Kg	1.000		

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

8.4. Sản xuất nấm mộc nhĩ

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01 tấn nguyên liệu thô

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Que	1.800	Không bị nhiễm tạp khuẩn hay nấm dại	

2	Nguyên liệu	Kg	1.000		
3	Cám và phụ gia				
-	Cám gạo	Kg	50	5%	
-	Bột nhẹ (CaCO3)	Kg	10	1%	
-	MgSO4	Kg	1,0	1,5‰	
-	KH2PO4	Kg	0,5	0,5‰	
4	Túi PE (19x38)	Kg	10		
5	Nút, Bông, chun	Kg	12		

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

8.5. Sản xuất nấm hương

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01 tấn nguyên liệu thô

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Chai	60	Không bị nhiễm tạp khuẩn hay nấm dại	
2	Nguyên liệu	Kg	1.000		
3	Cám và phụ gia				
-	Cám gạo	Kg	70	7%	
-	Bột nhẹ ($CaCO_3$)	Kg	20	2%	
4	Túi PE (25x35)	Kg	10		
5	Nút, Bông, chun	Kg	12		

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

8.6. Sản xuất nấm linh chi

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01 tấn nguyên liệu thô

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Chai	60	Không bị nhiễm tạp khuẩn hay nấm dại	
2	Nguyên liệu	Kg	1.000		
3	Cám và phụ gia				
-	Cám gạo	Kg	50	5%	
-	Cám ngô	Kg	70	7%	
-	Bột nhẹ ($CaCO_3$)	Kg	10	1%	
-	Đường ăn	Kg	50	5‰	
4	Túi PE (25x35)	Kg	10		
5	Nút, Bông, chun	Kg	12		

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		

2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

8.7. Sản xuất nấm đùi gà và nấm kim châm

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01 tấn nguyên liệu thô

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Chai	60	Không bị nhiễm tạp khuẩn hay nấm dại	
2	Nguyên liệu	Kg	1.000		
3	Túi PE (25x35cm)	Kg	10		
4	Nút, Bông, chun	Kg	12		
5	Cám và phụ gia				
-	Cám gạo	Kg	200	20%	
-	Cám ngô	Kg	50	5%	
-	Bột đậu tương	Kg	20	2%	
-	Bột nhẹ ($CaCO_3$)	Kg	10	1%	
-	Đường ăn	Kg	5,0	0,5%	

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

9. Cây hoa (Định mức cho 01 ha)

9.1. Sản xuất Hoa cúc

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống cúc			Giống sạch bệnh	
-	Vùng Tây Nguyên	Cây	500.000		
-	Vùng khác	Cây	400.000		
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	140	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	175		
4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	150		
5	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
6	Vôi bột	Kg	800		
7	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

9.2. Sản xuất hoa đồng tiền chậu

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống (1 chậu trồng 1 cây)	Cây	80.000		
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	500	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	500		
4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	375		
5	Chậu trồng cây (đường kính x chiều cao): 20cmx22cm	Cái	80.000		
6	Giá thể (phân chuồng hoai mục + đất + xơ dừa/mùn cưa)	Kg	65.000	Tương đương 500m^3	
7	Lưới đen che nắng 60%	m^2	10.000		
8	Màng che nilon (diện tích x1,3)	m^2	13.000		
9	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

9.3. Sản xuất hoa ly chậu

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	- Giống (1 chậu trồng 3 cây)	Củ	150.000	Giống sạch bệnh	
	- Giống (1 chậu trồng 5 cây)	Củ	150.000		
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	500	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	500		
4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	375		
5	- Chậu trồng 3 cây (đường kính x chiều cao): 22cmx25cm	Cái	50.000		
	- Chậu trồng 5 cây (đường kính x chiều cao): 32cmx30cm	Cái	30.000		
6	Giá thể (phân chuồng hoai mục + đất + xơ dừa/mùn cưa)	Kg	50.000	Tương đương 315 m^3	
7	Lưới đen che nắng 60%	m^2	10.000		
8	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

10. Mô hình trồng thâm canh sen trong ruộng/đầm/ao gắn chuỗi giá trị và quảng bá sản phẩm (Định mức cho 01 ha)

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	7	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy hút chân không	Máy	01	Phù hợp với quy mô mô hình, dự án	01 máy/1 điểm thực hiện (1-3 ha/điểm)

c. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Cây hoặc hom	850	Giống sạch bệnh	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	138	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	360		
4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	23		
5	Vôi	Kg	1.000		
6	Chế phẩm sinh học chứa Trichoderma	Kg (Lít)	10-15	TCCS Căn cứ theo quy trình của loại chế phẩm đó.	
7	Bộ nhận diện sản phẩm				
7.1	Thiết kế logo nhận diện sản phẩm	Bộ/mô hình (hoặc dự án)	1		
7.2	In tem/nhãn thông tin sản phẩm	Cái/kg	1-2		
7.3	Bao bì đựng sản phẩm	Cái/kg	1-2	Tuỳ kích cỡ	
8	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

11. Sản xuất cây mía (Định mức cho 01 ha)

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống (trồng mới + trồng dặm tương đương 40.000 hom)	Kg	10.000	Giống sạch bệnh	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	300	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	150		
4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	260		
5	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	2.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
6	Vôi bột	Kg	500		
7	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

12. Cây ăn quả (Định mức cho 01 ha)

12.1. Trồng, thâm canh nhãn, vải

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

Thời kỳ		Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm thứ 2)	1	Giống trồng mới	Cây	400	Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30cm	Giống hỗ trợ năm thứ nhất
	2	Giống trồng dặm	Cây	20		
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	70	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	Lượng vật tư sử dụng cho từng năm
	4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	65		
	5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	90		
	6	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	7	Vôi bột	Kg	400		
	8	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

Năm thứ 3	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	92	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	65		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
	4	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	5	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	140	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	100		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	210		
	4	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	5	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		

2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

12.2. Ghép cải tạo nhãn, vải

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

Thời kỳ		Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
Năm thứ nhất + năm thứ 2	1	Mắt ghép (15 mắt/cây)	Mắt	6.000	Mắt ghép là đoạn cành	Mắt ghép, dây ghép hỗ trợ năm thứ nhất
	2	Dây ghép	Cuộn	4		
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	70	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
	4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	48		
	5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	60		
	6	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	7	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
Năm thứ 3	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	92	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	72		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	90		
	4	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay	

					thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	5	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

12.3. Trồng, thâm canh bưởi

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

Thời kỳ		Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm thứ 2)	1	Giống trồng mới	Cây	400	Giống sạch bệnh. Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30cm	Giống hỗ trợ năm thứ nhất
	2	Giống trồng dặm	Cây	20		
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	90	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	Lượng vật tư sử dụng cho từng năm
	4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	70		
	5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
	6	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang	

					phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	7	Vôi bột	Kg	400		
	8	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
Năm thứ 3	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	190	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	100		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	180		
	4	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	5	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	190	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	100		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	300		
	4	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	5	Đậu tương hoặc khô dầu	Kg	1.200		
	6	Túi bao trái	Túi	20.000		
	7	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

12.4. Trồng, thâm canh cam, quýt

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người/điểm	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

Thời kỳ		Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm thứ 2)	1	Giống trồng mới	Cây	625	Giống sạch bệnh. Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30cm	Giống hỗ trợ năm thứ nhất
	2	Giống trồng dặm	Cây	30		
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	100	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	Lượng vật tư sử dụng cho từng năm
	4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	100		
	5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
	6	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	7	Vôi bột	Kg	625		
	8	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy			

			trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
Năm thứ 3	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	120	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	100		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	150		
	4	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	5	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	140	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	120		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	180		
	4	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	5	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		

2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

12.5. Trồng, thâm canh mít

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

Thời kỳ		Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm 2)	1	Giống trồng mới	Cây	400	Giống sạch bệnh. Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30cm.	Giống hỗ trợ năm thứ nhất
	2	Giống trồng dặm	Cây	20		
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	200	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	Lượng vật tư sử dụng cho từng năm
	4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	100		
	5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	100		
	6	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	7	Vôi bột	Kg	400		
	8	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
Năm thứ 3	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	240	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	240		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	240		
	4	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân	

					bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	5	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	280	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	280		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	280		
	4	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	5	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

12.6. Trồng, thâm canh măng cụt

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng

2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

Thời kỳ		Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm thứ 2)	1	Giống trồng mới	Cây	200	Giống sạch bệnh. Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30cm.	Giống hỗ trợ năm thứ nhất
	2	Giống trồng dặm	Cây	10		
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	50	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	Lượng vật tư sử dụng cho từng năm
	4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	35		
	5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	40		
	6	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	7	Vôi bột	Kg	200		
	8	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
Năm thứ 3	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	90	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	35		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	60		
	4	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	5	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
Thời	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	230	TCCS	

kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	100	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	200		
	4	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	5	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

12.7. Trồng, thâm canh bơ

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

Thời kỳ		Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
Thời kỳ kiến thiết cơ bản	1	Giống trồng mới	Cây	200	Giống sạch bệnh. Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30cm.	Giống hỗ trợ năm thứ nhất
	2	Giống trồng dặm	Cây	10		
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	50	TCCS	

(năm thứ nhất + năm thứ 2)	4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	35	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
	5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	40		
	6	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	2.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	7	Vôi bột	Kg	200		
	8	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
Năm thứ 3 trở đi	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	90	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	70		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
	4	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	5	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

12.8. Trồng, thâm canh dứa có phủ nilon

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

Thời kỳ		Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
Năm thứ nhất	1	Chồi giống trồng mới	Chồi	50.000	Giống sạch bệnh. Chồi loại 1: 250-300g/chồi.	Giống hỗ trợ năm thứ nhất
	2	Chồi giống trồng dặm	Chồi	1.000		
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	550	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	Lượng vật tư sử dụng cho từng năm.
	4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	256		
	5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	1.080		
	6	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	5.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	7	Vôi bột	Kg	1.000		
	8	Nilon	Kg	160		
	6	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
Năm thứ hai	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	550	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	256		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	1.080		
	4	Chất xử lý ra hoa (chứa Ethephon 40%)	ml	1.000	TCCS	
	6	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình			

			kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.	

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

12.9. Trồng, thâm canh dứa

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

Thời kỳ		Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
Năm thứ nhất	1	Chồi giống trồng mới	Chồi	50.000	Giống sạch bệnh. Chồi loại 1: 250-300g/chồi.	Giống hỗ trợ năm thứ nhất
	2	Chồi giống trồng dặm	Chồi	1.000		
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	550	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	Lượng vật tư sử dụng cho từng năm.
	4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	256		
	5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	1.080		
	6	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	5.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	

	7	Vôi bột	Kg	1.000		
	8	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
Năm thứ hai	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	550	TCCS	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	256	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	1.080		
	4	Chất xử lý ra hoa (chứa Ethephon 40%)	ml	1.000	TCCS	
	5	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

12.10. Sản xuất cây giống chanh leo sạch bệnh (cây chanh dây, lạc tiên) sạch bệnh

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính 0,5 ha/vụ/người

b. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Hạt giống chanh leo	Kg	4,5	Giống sạch bệnh Hạt chanh leo hoa vàng	
2	Giá thể TS2	Kg	31.500		
3	Khay ươm 104	Chiếc	900		

4	Khay 15 lỗ	Chiếc	6.030		
5	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	25	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
6	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	24		
7	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	24		
8	Túi bầu	Kg	300	10x15cm	
9	Phân bón lá	Lít	45	TCCS	
10	Mắt ghép	Mắt	300.000	Sạch bệnh	
11	Giấy ghép	Cuộn	36		
12	Test bệnh trước khi xuất vườn	Lần/ha	3		
13	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

12.11. Trồng, thâm canh chanh leo (cây chanh dây, lạc tiên)

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

Thời kỳ		Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
Năm thứ nhất	1	Giống trồng mới	Cây	1.300	Giống sạch bệnh. Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30cm.	
	2	Giống trồng dặm	Cây	60		

	3	Cột bê tông	Cột	500		
	4	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	70	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
	5	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	160		
	6	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	360		
	7	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	8	Chế phẩm sinh học	Kg	60	TCCS	
	9	Vôi bột	Kg	1.000		
	10	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
Năm thứ hai	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	185	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, K_2O tương ứng.	
	2	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	660		
	3	Chế phẩm sinh học	Kg	80	TCCS	
	4	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

12.12. Trồng, thâm canh dừa

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

Thời kỳ		Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm 2)	1	Giống trồng mới	Cây	156	Cây giống cao ≥ 50cm	Giống hỗ trợ năm thứ nhất
	2	Giống trồng dặm	Cây	8		
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	46	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	Lượng vật tư sử dụng cho từng năm
	4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	110		
	5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	70		
	6	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	1.500	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	7	Vôi bột	Kg	300		
	8	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
Năm thứ 3	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	70	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	110		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
	4	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	1.500	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	5	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình			

			kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	92	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	140		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	180		
	4	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	1.500	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	5	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

12.13. Trồng, thâm canh chuối

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

Thời kỳ		Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
Năm thứ nhất	1	Giống trồng mới			Giống sạch bệnh. Cây giống cao 70 - 80cm.	Giống hỗ trợ năm thứ nhất
		Chuối tiêu	Cây	2.000 - 2.500		

+ năm thứ 2		Chuối tây	Cây	1.800 - 2.000		
	2	Giống trồng dặm	Cây	100		
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	260	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	Lượng vật tư sử dụng cho từng năm
	4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	160		
	5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	360		
	6	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	7	Vôi bột	Kg	1.000		
	8	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
	9	Túi bao buồng	Túi	2.000		Cho năm thứ 2

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

12.14. Trồng, thâm canh mãng cầu Dai (Na)

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

Thời kỳ		Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất)	1	Giống trồng mới	Cây	1.100	Giống sạch bệnh. Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30cm.	Lượng vật tư sử dụng cho từng năm
	2	Giống trồng dặm	Cây	50		
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	230	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
	4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	160		
	5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
	6	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	2.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	7	Vôi bột	Kg	1.000		
	8	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
Năm thứ 2+ năm thứ 3	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	230	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	160		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	180		
	4	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	2.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	5	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
Thời kỳ kinh	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	300	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	240		

doanh (năm thứ 4 trở đi)	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	360	lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
	4	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	5	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

12.15. Trồng, thâm canh sầu riêng

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

Thời kỳ		Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm thứ 2	1	Giống trồng mới	Cây	200	Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30cm	Giống hỗ trợ năm thứ nhất
	2	Giống trồng dặm	Cây	10		
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	46	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O	Lượng vật tư sử dụng cho từng năm
	4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	32		

	5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	40	tương ứng.	
	6	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	7	Vôi bột	Kg	200		
	8	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
Năm thứ 3	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	70	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	32		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	60		
	4	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	5	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	90	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	40		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	90		
	4	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	5	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình			

			kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.	

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

12.16. Trồng, thâm canh hồng không hạt

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

Thời kỳ		Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm thứ 2	1	Giống trồng mới	Cây	600	Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30cm	Giống hỗ trợ năm thứ nhất
	2	Giống trồng dặm	Cây	30		
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	92	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	Lượng vật tư sử dụng cho từng năm
	4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	96		
	5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
	6	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	7	Vôi bột	Kg	600		
	8	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

Năm thứ 3	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	125	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	138		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	150		
	4	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	5	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	138	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	160		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	300		
	4	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	5	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

12.17. Trồng, thâm canh cây ổi

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống (trồng mới + trồng dặm 5%)	Kg	1.400	Giống sạch bệnh	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	275	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	150		
4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	300		
5	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	5.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
6	Vôi bột	Kg	1.000		
7	Bao trái (lưới xốp, túi bóng, dây buộc)	Kg	130		
8	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

12.18. Trồng, thâm canh cây vú sữa

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT		Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm thứ 2)	1	Giống trồng mới	Cây	100	Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30cm	Giống trụ bê tông hỗ trợ năm thứ nhất.
	2	Giống trồng dặm	Cây	5		
	3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	90	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	Lượng vật tư sử dụng cho từng năm
	4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	80		
	5	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	90		
	6	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	7	Vôi bột	Kg	200		
	8	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
Năm thứ 3	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	140	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	120		
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	180		
	4	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón	

					theo quy trình của loại phân bón đó.	
	5	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	190	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	150		
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	240		
	4	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	5	Túi bao trái	Túi	50.000		
	6	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

12.19. Trồng, thâm canh cây thanh long kiểu giàn chữ T

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT		Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất)	1	Giống trồng mới	Hom	5.555	Giống sạch bệnh	Giống, trụ bê tông hỗ trợ năm thứ nhất
	2	Trụ xi măng	Trụ	1.200		
	3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	220	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
	4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	300		
	5	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	150		
	6	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	7	Vôi bột	Kg	550		
	8	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
Năm thứ 2	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	440	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	440		
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	300		
	4	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	6.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	5	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 3 trở đi)	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	660	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	660		
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	450		
	4	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	9.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay	

					thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	5	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

12.20. Trồng, thâm canh cây nho

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

Thời kỳ		Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm 2)	1.1	Giống trồng mới	Cây	2.000	Giống sạch bệnh Cây giống ghép, mầm ghép ≥30 cm	Giống, cột bê tông hỗ trợ năm thứ nhất
	1.2	Giống trồng dặm	Cây	100		
	1.3	Cột bê tông	Cột	800		
	1.4	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	220	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
	1.5	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	160		
	1.6	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	300		

	1.7	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình loại phân bón đó.	
	1.8	Vôi	Kg	1.000		
	1.9	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
Năm thứ 3	1.1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	276	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
	1.2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	160		
	1.3	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	300		
	1.4	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình loại phân bón đó.	
	1.5	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

12.21. Trồng cây đu đủ

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống			Giống sạch bệnh	
1.1	Trồng mới	Cây	2.000		
1.2	Trồng dặm	Cây	200		
2	Phân bón				
2.1	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Tấn	3	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình loại phân bón đó.	
2.2	Phân hữu cơ truyền thống (phân chuồng hoai mục)	Tấn	30		
2.3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	350	TCCS Có thể sử dụng phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
2.4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	250		
2.5	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	300		
4	Vôi	Kg	1.000		
5	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

12.22. Trồng cây dâu đất

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống			Giống sạch bệnh	
1.1	Trồng mới	Cây	300		
1.2	Trồng dặm	Cây	30		
2	Phân bón				
2.1	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	1.500	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình loại phân bón đó.	
2.2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	24	TCCS Có thể sử dụng phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
2.3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	25		
2.4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	12		
4	Vôi	Kg	800		
5	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

13. Trồng Dưa hấu phủ bạt (Định mức cho 01 ha)

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	3	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Kg	0,6	Giống sạch bệnh	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	60	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	80		
4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	100		
5	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	2.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình loại phân bón đó.	
6	Phân bón lá	Kg (Lít)	3	TCCS	
7	Màng phủ nông nghiệp (dài 400m x rộng 1,2m)	Cuốn/ha	20		
8	Vôi bột	Kg	600		
9	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

14. Cây ớt (Định mức cho 01 ha)

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	3	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Kg	0,4	Giống sạch bệnh	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	140	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	45		
4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	240		
5	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	2.500	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình loại phân bón đó.	
6	Chế phẩm Trichoderma	Kg	16	TCCS	
7	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

15. Trồng cây Atiso đỏ (Định mức cho 01 ha)

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Cây giống Atiso đỏ	1.000cây	8-10	Giống sạch bệnh	
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	90	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	80		
4	Ka li nguyên chất (K_2O)	Kg	100		
5	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	500	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình loại phân bón đó.	
6	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

16. Sản xuất Hồ tiêu bền vững (Định mức cho 01 ha)

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	250	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	150		
3	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	210		
4	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	4.500	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình loại phân bón đó.	
5	Chế phẩm Trichoderma	Kg	80	TCCS	
6	Vôi bột	Kg	500		
7	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

17. Trồng, sản xuất cao su tiểu điền bền vững (Định mức cho 01 ha)

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống cây cao su (Trồng mới, tái canh)	Cây	555	Đáp ứng tiêu chuẩn cây giống theo quy trình sản xuất cao su tiểu điền.	
2	Giống cây cao su (trồng dặm)	Cây	55		
3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	70	TCCS	
4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	30	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O.	
5	Ka li nguyên chất (K_2O)	Kg	72		
6	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	2.550	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình loại phân bón đó.	
7	Amoniac (NH3) 10%	Lít	20	TCCS	
8	Vật tư, thiết bị thu hoạch (hỗ trợ 01 lần vào năm thứ nhất)				
-	Kiềng đỡ chén	Cái	500	Chất liệu thép, kích thước: Ø 3mm, đường kính 13-14cm.	
-	Dây nilon buộc kiềng	Cuộn	16		
-	Chén hứng mủ	Cái	500	Chất liệu nhựa, dung tích 1 lít, trọng lượng 60gram/cái.	
-	Máng hứng mủ	Cái	500	Chất liệu sắt tráng kẽm (tole), dày 0,5mm, chiều dài 7cm.	
-	Máng che mưa	Cái	500	Chất liệu nhựa PE dẻo, kích thước: dày 0,3mm, rộng 16cm, dài 75cm.	
-	Keo dán máng	Kg	45		
-	Bấm kim	Cái	2		
-	Kim bấm	Hộp	12		
-	Dao cạo mủ	Cái	2		
-	Dụng cụ nạo vỏ	Cái	2		

-	Típ mở vaseline	Típ	2		
-	Mái che mưa cho chén mủ	Cái	500	Chất liệu nhựa PE dẻo, dày 0,3mm; rộng 30cm, dài 35cm.	
-	Thùng trút mủ V=15 lít	Cái	1	Chất liệu nhôm, kích thước: dày 0,5mm	
-	Thùng trút mủ V=35 lít	Cái	1		
-	Giỏ đựng mủ tạp V=5 lít	Cái	1		
9	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

18. Trồng cây Mai (Định mức cho 01 ha)

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/điểm/ người	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT		Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
Năm thứ nhất	1	Giống	Cây	6.300-7.350	Chiều cao cây 10-20cm	Giống hỗ trợ năm thứ nhất. Lượng giống yêu cầu bằng 5% mật độ trồng thêm.
	2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	123	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5.	
	3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	234		
	4	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	2.500	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi	

					sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình loại phân bón đó.	
	5	Vôi bột	Kg	2.000		
	6	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
Năm thứ 2, 3	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	328	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5.	
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	576		
	3	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	5.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình loại phân bón đó.	
	4	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
Năm thứ 4	a. Đối với 90% cây ngoài đồng					
	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	347	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O.	
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	877		
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	72		
	4	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	13.500	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình loại phân bón đó.	
	5	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
	b. Đối với 10% số cây trồng chậu					
	1	Giá thể	m^3	9		
	2	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	300	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang	

					phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình loại phân bón đó.	
	3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	39	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O.	
	4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	98		
	5	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	8		
	6	Chậu	Cái	600-700		
	7	Nhà lưới	Cái	1	- Chiều cao nhà ≥ 3cm; - Trụ, khung: thép mạ kẽm, sắt, bê tông, vật liệu, vật liệu cứng và chắc khác; - Mái che.	
	8	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

19. Trồng cây sâm Bố Chính gắn chuỗi giá trị và quảng bá sản phẩm (Định mức cho 01 ha)

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy hút chân không	Máy	01	Phù hợp với quy mô mô hình, dự án	01 máy/1 điểm thực hiện (1-3 ha/điểm)

c. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống			Giống sạch bệnh	
1.1	Hạt	Kg	5		
1.2	Cây	Cây	110.000		
2	Phân bón				
2.1	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Tấn	1,5	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân đó.	
2.2	Phân chuồng ủ hoai	Tấn	10		
2.3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	64	TCCS Có thể sử dụng phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
2.4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	130		
2.5	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	80		
3	Chế phẩm sinh học chứa Trichoderma	Kg (Lít)	10-15	TCCS Căn cứ theo quy trình của loại chế phẩm đó.	
4	Vôi	Kg	500		
5	Bộ nhận diện sản phẩm				
5.1	Thiết kế logo nhận diện sản phẩm	Bộ/mô hình (hoặc dự án)	1		
5.2	In tem/nhãn thông tin sản phẩm	Cái/kg	1-2		
5.3	Bao bì đựng sản phẩm	Cái/kg	1-2		
6	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

20. Trồng cây Gấc (Định mức cho 01 ha)

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Thời kỳ	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống Gấc		Cây	500	Giống sạch bệnh	
2	Phân chuồng hoai mục	Năm thứ nhất	Tấn	15		
3	Vôi bột		Kg	300-400		
4	Đạm nguyên chất (N)		Kg	120	TCCS Có thể sử dụng phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
5	Lân nguyên chất (P_2O_5)		Kg	80		
6	Ka li nguyên chất (K_2O)		Kg	150		
7	Phân chuồng hoai mục	Năm thứ 2 trở đi (lưu gốc)	Tấn	15		
8	Vôi bột		Kg	300-400		
9	Đạm nguyên chất (N)		Kg	120	TCCS Có thể sử dụng phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
10	Lân nguyên chất (P_2O_5)		Kg	80		
11	Kali nguyên chất (K_2O)		Kg	150		
12	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.				

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

21. Trồng tre lấy măng (Định mức cho 01 ha)

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống			Giống sạch bệnh	
1.1	Trồng mới	Cây	500		
1.2	Trồng dặm	Cây	50		
2	Phân NPK (5:10:3)	Kg	150		
3	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	15.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
4	Chế phẩm sinh học chứa Trichoderma	Kg (Lít)	10-15	TCCS Căn cứ theo quy trình của loại chế phẩm đó.	
5	Vôi	Kg	1.000		
6	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

22. Trồng, thâm canh cây chè (Định mức cho 01 ha)

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống			Giống sạch bệnh	
1.1	Trồng mới	Bầu	22.000		
1.2	Trồng dặm	Bầu	1.100		
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	276	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	112		
4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	180		
5	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
6	Vôi	Kg	1.000		
7	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

23. Trồng cây dâu tằm (Định mức cho 01 ha)

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
Năm thứ nhất					
1	Giống dâu trồng mới	Cây	40.000	Giống sạch bệnh	
2	Giống dâu trồng dặm	Cây	2.000		
3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	140	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	100		
5	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	150		
6	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	1.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
7	Vôi	Kg	1.000		
8	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

Năm thứ hai					
1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	230	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	130		
3	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	180		
4	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	1.500	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
5	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

24. Trồng cây diệp hạ châu (Định mức cho 01 ha)

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Cây giống	Cây	300.000	Cây giống khỏe mạnh, không sâu bệnh.	

2	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	1.500	TCCS Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
3	Phân NPK (15:15:15)	Kg	300	TCCS	
4	Đạm ure	Kg	100		
5	Chế phẩm sinh học chứa Trichoderma	Kg (Lít)	10-15	TCCS Căn cứ theo quy trình của loại chế phẩm đó.	
6	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

25. Trồng cây đinh lăng (Định mức cho 01 ha)

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/ điểm	20	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	25.000	Cây sinh trưởng tốt, sạch bệnh	
2	Cây giống trồng dặm (5%)	Cây	1.250		

3	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh + Năm 1, năm 2, năm 3	Kg/năm	2.500	TCCS Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
4	Đạm nguyên chất (N) + Năm 1, năm 2, năm 3	Kg/năm	100	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
5	Lân nguyên chất (P_2O_5) + Năm 1, năm 2 và năm 3	Kg/năm	100		
6	Kali nguyên chất (K_2O) + Năm 1, năm 2 và năm 3	Kg/năm	150		
7	Chế phẩm sinh học chứa Trichoderma			TCCS Căn cứ theo quy trình của loại chế phẩm đó.	
	+ Trồng mới	Kg (Lít)	10-15		
	+ Năm 2 và năm 3	Kg (Lít)	10-15		
8	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/năm	01	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	- Năm 1: Tập huấn kỹ thuật trồng và chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại; - Năm 2: Tập huấn chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại; - Năm 3: Tập huấn chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại và thu hoạch.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

26. Trồng, thâm canh cây Đẳng sâm (Định mức cho 01 ha)

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	15	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
	Năm 1				
1	Cây giống/củ giống	Cây	84.000	Sạch sâu bệnh	
2	+ Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân đó.	
	+ Chế phẩm sinh học chứa Trichoderma	Kg (Lít)	10-15	TCCS Căn cứ theo quy trình của loại chế phẩm đó.	
3	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
	Năm 2				
1	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	2.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân đó.	
2	Chế phẩm sinh học chứa Trichoderma	Kg (Lít)	10-15	TCCS Căn cứ theo quy trình của loại chế phẩm đó.	
3	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/năm	01	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	- Năm 1: Tập huấn kỹ thuật trồng và chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại; - Năm 2: Tập huấn chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

27. Trồng thâm canh cây gừng (Định mức cho 01 ha)

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Củ giống	Kg	1.300	Củ sạch bệnh, đồng đều	
2	Phân bón NPK + Năm 1 + Năm 2 + Năm 3	 Kg Kg Kg	 520 520 520	TCCS	
3	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	1.500	TCCS Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
4	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

28. Trồng thâm canh cây nghệ (Định mức cho 01 ha)

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 4 tháng

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	**Giống**	Củ	50.000	Áp dụng cho trồng thuần. Củ sạch bệnh, đồng đều.	
		Kg	4.000		
2	**Phân bón**				
2.1	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	2.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
2.2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	200	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
2.3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	120		
2.4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	200		
3	**Thuốc Bảo vệ thực vật**	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
1	**Giống**	Củ	25.000	Áp dụng cho trồng xen; Củ sạch bệnh, đồng đều.	
		Kg	2.000		
2	**Phân bón**				

2.1	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	2.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
2.2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	100	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
2.3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	90		
2.4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	100		
3	**Thuốc Bảo vệ thực vật**	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/năm	01	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	- Năm 1: Tập huấn kỹ thuật trồng và chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại; - Năm 2: Tập huấn chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại và thu hoạch.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

29. Trồng cây sả (Định mức cho 01 ha)

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	5-12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Trồng ăn: 5 tháng; Trồng lấy tinh dầu: 12 tháng.

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Cây giống				
1.1	Trồng mới	Khóm	20.000	3 tép/khóm. Chiều cao 20-30cm	
1.2	Trồng dặm	Cây	2.000		
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	80	TCCS Có thể sử dụng phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	128		
4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	80		
5	Phân hữu cơ truyền thống	Tấn	20	Phân đã được ủ hoai mục	
6	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

30. Trồng cây ba kích (Định mức cho 01 ha)

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	20	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	2.000	Cây không sâu bệnh	
2	Cây giống trồng dặm (15%)	Cây	300	TCCS	
3	Phân Lân bón lót (0,2 kg/cây)	Kg/năm	400		
4	Phân vi sinh bón lót (1 kg/cây) năm thứ 1, năm 2, năm 3	Kg/năm	2.000		
5	Phân bón: NPK (15:15:15) hoặc (16:16:8) (0,3 kg/cây) năm thứ 1, năm 2, năm 3	Kg/năm	600		
6	Chế phẩm sinh học chứa Trichoderma	Kg (Lít)	10-15	TCCS Căn cứ theo quy trình của loại chế phẩm đó.	
7	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/năm	01	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	- Năm 1: Tập huấn kỹ thuật trồng và chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại; - Năm 2: Tập huấn chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại; - Năm 3: Tập huấn chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại và thu hoạch.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

31. Trồng cây húng quế (Định mức cho 01 ha)

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Hạt giống	Kg	0,8	Giống sạch bệnh	
2	Phân bón				
2.1	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	5.000	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân đó.	
2.2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	46	TCCS Có thể sử dụng phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
2.3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	109		
2.4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	66		
4	Vôi	Kg	800		
5	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

32. Trồng cây hoa thiên lý (Định mức cho 01 ha)

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	7	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Hom giống	Hom	600	Giống sạch bệnh	
2	Phân bón				
2.1	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	Kg	3.600	TCCS Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân đó.	
2.2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	360	TCCS Có thể sử dụng phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	
2.3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	495		
2.4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	270		
3	Thuốc Bảo vệ thực vật	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/vụ	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

33. Tưới nhỏ giọt quấn gốc (Định mức cho 1.000 m^2)

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức vật tư

TT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I	**Bộ điều khiển trung tâm**			
1	Van xả khí 1"	Cái	1	
2	Đồng hồ đo áp lực nước và cà rá	Cái	2	
3	Lọc đĩa 2"	Cái	1	
4	Bộ châm phân Venturi 2"	Bộ	1	
5	Phụ kiện lắp đặt bộ trung tâm	Bộ	1	
II	**Hệ thống đường ống chính**			
1	Ống PVC 60mm	Mét	30	
2	Van điều áp cơ	Cái	1	
3	Phụ kiện lắp đặt đường ống chính	Bộ	1	
III	**Hệ thống ống nhánh và dây tưới nhỏ giọt**			
III.1	**Mật độ khoảng 1.000 cây/ha**			
1	Dây tưới nhỏ giọt 8mm, khoảng cách 20cm	Mét	300	
2	Đầu nhỏ giọt bù áp 30 lít/giờ	Cái	100	
3	Nối đầu bù áp và dây tưới nhỏ giọt	Cái	100	
4	Khởi thủy 20mm	Bộ	5	
5	Ống LDPE MP 20mm	Mét	300	
6	Nối 2 ống LDPE 20mm	Cái	5	
7	Khóa số 8 ống 20mm	Cái	5	
III.2	**Mật độ khoảng 600 cây/ha**			
1	Dây tưới nhỏ giọt 8mm, khoảng cách 20cm	Mét	180	
2	Đầu nhỏ giọt bù áp 30 lít/giờ	Cái	60	
3	Nối đầu bù áp và dây tưới nhỏ giọt	Cái	60	
4	Khởi thủy 20mm	Bộ	5	
5	Ống LDPE MP 20mm	Mét	240	
6	Nối 2 ống LDPE 20mm	Cái	5	
7	Khóa số 8 ống 20mm	Cái	5	
III.3	**Mật độ khoảng 500 cây/ha**			
1	Dây tưới nhỏ giọt 8mm, khoảng cách 20cm	Mét	150	
2	Đầu nhỏ giọt bù áp 30 lít/giờ	Cái	50	
3	Nối đầu bù áp và dây tưới nhỏ giọt	Cái	50	

TT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
4	Khởi thủy 16mm	Bộ	5	
5	Ống LDPE MP 16mm	Mét	200	
6	Nối 2 ống LDPE 16mm	Cái	5	
7	Khóa số 8 ống 16mm	Cái	5	
III.4	**Mật độ khoảng 400 cây/ha**			
1	Dây tưới nhỏ giọt 8mm, khoảng cách 20cm	Mét	120	
2	Đầu nhỏ giọt bù áp 30 lít/giờ	Cái	40	
3	Nối đầu bù áp và dây tưới nhỏ giọt	Cái	40	
4	Khởi thủy 16mm	Bộ	5	
5	Ống LDPE MP 16mm	Mét	160	
6	Nối 2 ống LDPE 16mm	Cái	5	
7	Khóa số 8 ống 16mm	Cái	5	
III.5	**Mật độ khoảng 300 cây/ha**			
1	Dây tưới nhỏ giọt 8mm, khoảng cách 20cm	Mét	90	
2	Đầu nhỏ giọt bù áp 30 lít/giờ	Cái	30	
3	Nối đầu bù áp và dây tưới nhỏ giọt	Cái	30	
4	Khởi thủy 16mm	Bộ	5	
5	Ống LDPE MP 16mm	Mét	120	
6	Nối 2 ống LDPE 16mm	Cái	5	
7	Khóa số 8 ống 16mm	Cái	5	

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/điểm	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

34. Tưới nhỏ giọt theo hàng (Định mức cho 1.000 m^2)

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức vật tư

TT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Bộ điều khiển trung tâm**				
1	Van xả khí 1"	Cái	1	TCCS	
2	Đồng hồ đo áp lực nước và cà rá	Cái	2		
3	Lọc đĩa 2"	Cái	1		
4	Bộ châm phân Venturi 2"	Bộ	1		
5	Phụ kiện lắp đặt bộ trung tâm	Bộ	1		
II	**Hệ thống đường ống chính và ống nhánh**				
1	Ống PVC 60mm	Mét	30	TCCS	
2	Van điều áp cơ	Cái	1		
3	Phụ kiện lắp đặt đường ống chính	Bộ	1		
III	**Hệ thống dây tưới nhỏ giọt**				
III.1	**Hàng đơn, hàng cách hàng khoảng 1,2 m**				
1	Dây tưới nhỏ giọt 16mm, khoảng cách 20cm	Mét	900		
2	Khởi thủy PVC dây nhỏ giọt 16mm	Bộ	30		
3	Nối 2 ống nhỏ giọt 16mm	Cái	20		
III.2	**Hàng đôi, hàng cách hàng khoảng 2,5 m**				
1	Dây tưới nhỏ giọt 16mm, khoảng cách 30cm	Mét	900		
2	Khởi thủy PVC dây nhỏ giọt 16mm	Bộ	24		
3	Nối 2 ống nhỏ giọt 16mm	Cái	20		
III.3	**Hàng đôi, hàng cách hàng khoảng 5 m**				
1	Dây tưới nhỏ giọt 16mm, khoảng cách 30cm	Mét	1.000		
2	Khởi thủy PVC dây nhỏ giọt 16mm	Bộ	20		
3	Nối 2 ống nhỏ giọt 16mm	Cái	30		

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/điểm	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

35. Tưới phun mưa cục bộ (Định mức cho 1.000 m^2)

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức vật tư

TT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Bộ điều khiển trung tâm**				
1	Van xả khí 1"	Cái	1		
2	Đồng hồ đo áp lực nước và cà rá	Cái	1		
3	Lọc đĩa 2"	Bộ	1		
4	Bộ châm phân Venturi 2"	Bộ	1		
5	Phụ kiện lắp đặt bộ trung tâm	Bộ	1		
II	**Hệ thống đường ống chính và ống nhánh**				
1	Ống PVC 60mm	Mét	30	TCCS	
2	Van điều áp cơ	Cái	1		
3	Phụ kiện lắp đặt đường ống chính	Bộ	1		
III	**Hệ thống ống nhánh và béc tưới phun mưa cục bộ**				
III.1	**Mật độ khoảng 1.000 cây/ha**				
1	Ống PE 20mm 4bar	Mét	340		
2	Đầu nối PVC - PE 20	Bộ	4		
3	Đầu nối 2 ống PE 20	Cái	5		
4	Bộ béc phun bù áp Supernet 35lit/h - bao gồm cây cắm, vòi phun, đầu nối và dây 8mm dài 1m, mỗi cây lắp 1 béc	Bộ	110		
5	Bịt cuối ống PE 20mm	Cái	4		
6	Đục lỗ	Cái	1		
7	Cụm van	Bộ	1		
III.2	**Mật độ khoảng 600 cây/ha**				
1	Béc tưới phun mưa cục bộ lưu lượng >50 lít/giờ	Cái	60		
2	Chân cắm béc tưới	Cái	60		
3	Nối ống LDPE với béc tưới	Bộ	60		
4	Khởi thủy 20mm	Bộ	5		
5	Ống LDPE MP 20mm	Mét	240		
6	Nối 2 ống LDPE 20mm	Cái	5		
7	Khóa số 8 ống 20mm	Cái	5		

III.3	**Mật độ khoảng 500 cây/ha**				
1	Béc tưới phun mưa cục bộ lưu lượng > 50 lít/giờ	Cái	50		
2	Chân cắm béc tưới	Cái	50		
3	Nối ống LDPE với béc tưới	Bộ	50		
4	Khởi thủy 20mm	Bộ	5		
5	Ống LDPE MP 20mm	Mét	200		
6	Nối 2 ống LDPE 20mm	Cái	5		
7	Khóa số 8 ống 20mm	Cái	5		
III.4	**Mật độ khoảng 400 cây/ha**				
1	Béc tưới phun mưa cục bộ lưu lượng > 50 lít/giờ	Cái	40		
2	Chân cắm béc tưới	Cái	40		
3	Nối ống LDPE với béc tưới	Bộ	40		
4	Khởi thủy 20mm	Bộ	5		
5	Ống LDPE MP 20mm	Mét	160		
6	Nối 2 ống LDPE 20mm	Cái	5		
7	Khóa số 8 ống 20mm	Cái	5		
III.5	**Mật độ khoảng 300 cây/ha**				
1	Béc tưới phun mưa cục bộ lưu lượng > 50 lít/giờ	Cái	30		
2	Chân cắm béc tưới	Cái	30		
3	Nối ống LDPE với béc tưới	Bộ	30		
4	Khởi thủy 20mm	Bộ	5		
5	Ống LDPE MP 20mm	Mét	120		
6	Nối 2 ống LDPE 20mm	Cái	5		
7	Khóa số 8 ống 20mm	Cái	5		
III.6	**Mật độ khoảng 200 cây/ha**				
1	Ống PE 20mm 4bar	Mét	150		
2	Đầu nối PVC - PE 20	Bộ	2		
3	Đầu nối 2 ống PE 20	Cái	5		
4	Bộ béc phun bù áp Supernet 70 lít/h - bao gồm cây cắm, vòi phun, đầu nối và dây 8mm dài 1m, mỗi cây lắp 1 béc	Bộ	20		
5	Bịt cuối ống PE 20mm	Cái	2		
6	Đục lỗ	Cái	1		

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/điểm	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		

				nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

36. Tưới tiên tiến, tiết kiệm trên cây trồng (Định mức cho 01 mô hình)

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiết kiệm	Hệ thống	1	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, tưới nước kết hợp với phân bón
2	Cảm biến độ ẩm đất không dây	Cái	1	Đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật
3	Thiết bị thu nhận tín hiệu tập trung	Bộ	1	Đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật
4	Bộ bút đo PH, EC	Cái	1	Đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật
5	Phần mềm quản lý dữ liệu trực tiếp	Phần mềm	1	Đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/điểm	02	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	Lý thuyết 1 lần; Hiện trường 1 lần.
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN

37. Cơ giới hóa, chứng nhận sản phẩm (Định mức cho 01 mô hình)

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ người/điểm	3	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Máy cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp công suất >= 15Hp	Máy	1-10	
2	Máy cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp công suất < 15Hp	Máy	5-10	
3	Nông cụ sản xuất (không có động cơ)	Cái	5-20	
4	Hệ thống thủy canh/thu hoạch/sơ chế/đóng gói, bảo quản sản phẩm nông nghiệp (rau, củ, quả, thịt)	Hệ thống	1	
5	Nhà màng, nhà lưới	m^2	500-5.000	
6	Chứng nhận thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGap, hữu cơ, GlobalGAP)	Chứng nhận	1	

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình, dự án				
	Số lần	Lần/điểm	01	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình, dự án.	
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị/điểm	01		01 ngày/HN